TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 10-7-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tòa án nhân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân Tòa án nhân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S1; địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc *(vắng mặt)*.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) – là đại diện theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12-10-2022 và Giấy ủy quyền số 5898/2024/UQ-TGĐ ngày 20-8-2024 *(có đơn xin vắng mặt)*.

2*. Bị đơn:* Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: B Tầng B Chung cư B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là B4 T Chung cư B N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 11-4-2016, Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phan Văn Đ ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Đ với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng.

Ông Đ được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 105.022.047đ. Ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 111.763.872đ. Kỳ cuối cùng ông Đ thanh toán cho Ngân hàng là ngày 31-10-2021, sau đó ông Đ không thanh toán nữa. Do ông Đ vi phạm hợp đồng nên ngày 01-8-2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với số tiền nợ nêu trên.

Vì ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Đ phải trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng tính đến 10-7-2025 tổng cộng là 40.004.936đ; trong đó: Nợ gốc là 16.686.036đ; lãi quá hạn là 23.318.900đ và phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 11-7-2025 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 11-4-2016 cho đến khi ông Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn là ông Phan Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Đ đến làm việc nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc là 16.686.036đ; các khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11-4-2016 và tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 11-7-2025 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 11-4-2016 cho đến khi ông Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Phan Văn Đ có địa chỉ tại phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định

tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Phan Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến 10-7-2025 tổng cộng là 40.004.936đ; trong đó: Nợ gốc là 16.686.036đ; lãi quá hạn là 23.318.900đ và tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 11-7-2025 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 11-4-2016 cho đến khi ông Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng giữa Ngân hàng và ông Phan Văn Đ được xác lập theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11-4-2016 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S1. Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các Điều 401, 402, 405 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã cấp tín dụng cho ông Đ với hạn mức là 15.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 105.022.047đ. Ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 111.763.872đ. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ vào các khoản giao dịch. Kỳ cuối cùng ông Đ thanh toán cho Ngân hàng là ngày 31-10-2021, sau đó ông Đ không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 01-8-2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với số tiền nợ nêu trên.

Xét thấy, ông Đ đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11-4-2016 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại phần cam kết của Giấy đề nghị ông Đ xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà ông được cấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 2, Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng ngày 11-4-2016 nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với số tiền nợ nêu trên. Do đo, Ngân hàng

khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 40.004.936đ; trong đó: Nợ gốc là 16.686.036đ; lãi quá hạn là 23.318.900đ và phải tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 11-7-2025 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 11-4-2016 cho đến khi ông Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 39, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 401, 402, 405, 463, 466 Bộ luật Dân sựĐiều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S1 đối với bị đơn là ông Phan Văn Đ về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng":

Ông Phan Văn Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 tổng số tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11-4-2016 là 40.004.936đ *(Bốn mươi triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, chín trăm ba mươi sáu đồng)*; trong đó: Nợ gốc là 16.686.036đ; lãi quá hạn là 23.318.900đ.

Ông Phan Văn Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 11-7-2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11-4-2016 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phan Văn Đ phải chịu 2.000.247đ *(Hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy đồng)*.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S1 không phải chịu, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000đ *(Tám trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0002683 ngày 11-02-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm đối với đương sự có mặt là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV11-TPHCM;
- Phòng THADS KV11-TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.